



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **354** /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày **16** tháng 3 năm 2026

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cao Bằng**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 278/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1018/TTr-SNNMT ngày 03 tháng 3 năm 2026.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 03 thủ tục hành chính mới ban hành; 20 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; 04 thủ tục hành chính bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cao Bằng. *(Chi tiết tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo).*

Nội dung các bộ phận cơ bản của thủ tục hành chính được công bố không nêu trong Quyết định này, thực hiện theo Quyết định số 278/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**Điều 2.** Trên cơ sở nội dung quy trình nội bộ được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Quyết định này thay thế danh mục và nội dung 01 thủ tục hành chính số thứ tự 1, Mục I, Phần A lĩnh vực trồng trọt đã được công bố tại Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực Trồng trọt và lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng.

Thay thế quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính số thứ tự 1 Mục II Phần A lĩnh vực trồng trọt đã được phê duyệt tại Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng.

2. Thay thế danh mục và nội dung 11 thủ tục hành chính số thứ tự 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Mục II Phần A Phụ lục I (lĩnh vực trồng trọt) và các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính số thứ tự 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 tại Phụ lục II (lĩnh vực trồng trọt) đã được phê duyệt tại Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng.

3. Thay thế danh mục và nội dung 08 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh gồm: 02 danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực bảo vệ thực vật tại số thứ tự 2, 3 Mục I Phần A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực trồng trọt và lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng và danh mục 06 thủ tục hành chính lĩnh vực bảo vệ thực vật tại số thứ tự 1, 2, 5, 6, 7, 8

Mục I Phần A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

4. Thay thế 10 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh gồm: 04 quy trình nội bộ thủ tục hành chính tại số thứ tự 2, 3, 4, 5 Mục I Phần A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng và 06 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực bảo vệ thực vật số thứ tự 1, 2, 5, 6, 7, 8 Mục I Phần A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

5. Bãi bỏ 04 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh tại số thứ tự 2,3 Mục I và số thứ tự 1,7 Mục II Phần A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Bãi bỏ 04 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh tại số thứ tự 1,10 Mục I, và số thứ tự 2,3 Mục II, Phần A lĩnh vực bảo vệ thực vật, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục KSTTH, Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TTTT, KT, TTPVHCC;
- Viễn thông Cao Bằng;
- Lưu: VT, TTPVHCC(A).



**CHỦ TỊCH**

**Lê Hải Hòa**



**Phụ lục I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG;  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT  
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH CAO BẰNG**

*Ban hành kèm Quyết định số 354 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH MỚI BAN HÀNH (03 TTHC)**

| TT                                                                               | Tên TTHC                                                          | Thời hạn giải quyết                                                                                                                     | Địa điểm thực hiện                                  | Cách thức thực hiện                                                                                         | Phí, lệ phí        | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ghi chú |
|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH - LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT 03 (TTHC)</b> |                                                                   |                                                                                                                                         |                                                     |                                                                                                             |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |         |
| 01                                                                               | Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói<br>(1.014776) | - 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không kể thời gian khác phục.<br><br>- 02 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại. | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã. | Nộp hồ sơ, nhận kết quả:<br>- Trực tiếp;<br>- Qua dịch vụ bưu chính công ích;<br>- Dịch vụ công trực tuyến. | Không quy định     | - Điều 64 Luật Trồng trọt năm 2018.<br><br>- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.<br><br>- Điều 8 Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24/01/2026 của Chính phủ về Quy định nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói. |         |
| 02                                                                               | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc                   | 25 ngày làm việc                                                                                                                        | Trung tâm Phục vụ                                   | Nộp hồ sơ, nhận kết                                                                                         | 6.000.000 đồng/lần | - Điều 61 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |         |

| TT | Tên TTHC                   | Thời hạn giải quyết                         | Địa điểm thực hiện                | Cách thức thực hiện                                                                     | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Ghi chú |
|----|----------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|    | bảo vệ thực vật (2.001427) | kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ | hành chính công cấp tỉnh, cấp xã. | qua:<br>- Trực tiếp;<br>- Qua dịch vụ bưu chính công ích;<br>- Dịch vụ công trực tuyến. |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 2 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;</li> <li>- Điều 3 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm;</li> <li>- Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 ngày 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;</li> <li>- Điều 2 Nghị định số 33/2026/NĐ -CP ngày 21</li> </ul> |         |

| TT | Tên TTHC                                      | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí        | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Ghi chú |
|----|-----------------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|    |                                               |                     |                    |                     |                    | <p>tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;</p> <p>- Thông tư số 33/2021/TT - BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp;</p> <p>- Điều 20 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</p> |         |
| 03 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất | 25 ngày làm việc    | Trung tâm Phục vụ  | Nộp hồ sơ, nhận kết | 6.000.000 đồng/lần | Điều 61 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |         |

| TT | Tên TTHC                         | Thời hạn giải quyết                         | Địa điểm thực hiện                | Cách thức thực hiện                                                                     | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Ghi chú |
|----|----------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|    | thuốc bảo vệ thực vật (1.002560) | kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ | hành chính công cấp tỉnh, cấp xã. | qua:<br>- Trực tiếp;<br>- Qua dịch vụ bưu chính công ích;<br>- Dịch vụ công trực tuyến. |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 2 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;</li> <li>- Điều 3 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm;</li> <li>- Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 123/2018/NĐ -CP ngày 17 ngày 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;</li> <li>- Điều 2 Nghị định số 33/2026/NĐ -CP ngày 21</li> </ul> |         |

| TT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Ghi chú |
|----|----------|---------------------|--------------------|---------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|    |          |                     |                    |                     |             | <p>tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;</p> <p>- Thông tư số 33/2021/TT - BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp;</p> <p>- Điều 20 Thông tư số 07/2026/TT -BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật</p> |         |

**PHẦN II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG<sup>1</sup> (20 TTHC)**

| TT                                                    | Tên TTHC<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                             | Thời hạn giải<br>quyết                                                                                                                                                                                                                                                              | Địa điểm<br>thực hiện                               | Cách thức<br>thực hiện                                                                                          | Phí, lệ<br>phí  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Ghi chú                                                      |
|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| <b>DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (20 TTHC)</b> |                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                     |                                                                                                                 |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                              |
| <b>I</b>                                              | <b>LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT ( 12 TTHC)</b>                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                     |                                                                                                                 |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                              |
| 01                                                    | Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính (1.008003) | - Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: Thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.<br>- Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: Thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo cây đầu dòng, vườn cây | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã. | Nộp hồ sơ, nhận kết quả:<br>- Trực tiếp;<br>- Qua dịch vụ bưu chính công ích;<br>- Qua dịch vụ công trực tuyến. | Không quy định. | - Khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 24 Luật Trồng trọt năm 2018.<br>- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.<br>- Điều 16 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.<br>- Điều 8 Thông tư số | - Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thời hạn giải quyết TTHC |

<sup>1</sup> Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC)                                                                              | Thời hạn giải<br>quyết                                                                                                                                                                                                                                                | Địa điểm<br>thực hiện                                           | Cách thức<br>thực hiện                                                                                                            | Phí, lệ<br>phí     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Ghi chú                                      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
|    |                                                                                                    | đầu dòng đáp<br>ứng tiêu chuẩn<br>quốc gia hoặc<br>tiêu chuẩn cơ sở.                                                                                                                                                                                                  |                                                                 |                                                                                                                                   |                    | 07/2026/TT-BNNMT ngày 23<br>tháng 01 năm 2026 của Bộ<br>trưởng Bộ Nông nghiệp và<br>Môi trường quy định chi tiết<br>một số điều của Luật Bảo vệ<br>và kiểm dịch thực vật, Luật<br>Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung<br>một số điều của các thông tư<br>trong lĩnh vực trồng trọt và<br>bảo vệ thực vật.                              |                                              |
| 02 | Cấp, cấp lại<br>Quyết định<br>công nhận tổ<br>chức khảo<br>nghiệm giống<br>cây trồng<br>(1.007998) | - Trường hợp cấp<br>Quyết định công<br>nhận tổ chức<br>khảo nghiệm<br>giống cây trồng:<br>Thời hạn 20 ngày<br>làm việc kể từ<br>ngày nhận đủ hồ<br>sơ hợp lệ,<br>- Trường hợp cấp<br>lại Quyết định<br>công nhận tổ<br>chức khảo<br>nghiệm: 05 ngày<br>làm việc kể từ | Trung tâm<br>Phục vụ<br>hành chính<br>công cấp<br>tỉnh, cấp xã. | Nộp hồ sơ,<br>nhận kết<br>quả:<br>- Trực tiếp;<br>- Qua dịch<br>vụ bưu chính<br>công ích;<br>- Qua dịch<br>vụ công trực<br>tuyến. | Không<br>quy định. | - Điều 21 Luật Trồng trọt năm<br>2018.<br>- Điều 15 Luật số<br>146/2025/QH15 ngày 11<br>tháng 12 năm 2025 của Quốc<br>hội sửa đổi, bổ sung một số<br>điều của 15 Luật trong lĩnh<br>vực nông nghiệp và môi<br>trường.<br>- Điều 7 Nghị định số<br>94/2019/NĐ-CP ngày<br>13/12/2019 của Chính phủ<br>quy định chi tiết một số điều | - Sửa đổi,<br>bổ sung:<br>Căn cứ<br>pháp lý. |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC)                                        | Thời hạn giải<br>quyết                                       | Địa điểm<br>thực hiện                               | Cách thức<br>thực hiện                                 | Phí, lệ<br>phí  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Ghi chú                          |
|----|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
|    |                                                              | ngày nhận được<br>hồ sơ hợp lệ.                              |                                                     |                                                        |                 | <p>của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.</p> <p>- Điều 15 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</p> <p>- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật</p> |                                  |
| 03 | Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống | 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã. | Nộp hồ sơ, nhận kết quả:<br>- Trực tiếp;<br>- Qua dịch | Không quy định. | - Khoản 6 Điều 165 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 66 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC)   | Thời hạn giải<br>quyết | Địa điểm<br>thực hiện | Cách thức<br>thực hiện                                           | Phí, lệ<br>phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Ghi chú |
|----|-------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|    | cây trồng<br>(1.012072) |                        |                       | vụ bưu chính<br>công ích;<br>- Qua dịch<br>vụ công trực<br>tuyến |                | <p>một số điều Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022).</p> <p>- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>- Điều 28 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.</p> <p>- Điều 23 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</p> <p>- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và</p> |         |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC)                                                                                                           | Thời hạn giải<br>quyết                                       | Địa điểm<br>thực hiện                               | Cách thức<br>thực hiện                                                                                         | Phí, lệ<br>phí  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ghi chú                               |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
|    |                                                                                                                                 |                                                              |                                                     |                                                                                                                |                 | <i>Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                       |
| 04 | Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ.<br>(1.012071) | 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã. | Nộp hồ sơ, nhận kết quả:<br>- Trực tiếp;<br>- Qua dịch vụ bưu chính công ích;<br>- Qua dịch vụ công trực tuyến | Không quy định. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.</li> <li>- Điều 24 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.</li> <li>- Điều 21 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt</li> </ul> | - Sửa đổi, bổ sung:<br>Căn cứ pháp lý |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC)                                                           | Thời hạn giải<br>quyết                                       | Địa điểm<br>thực hiện                               | Cách thức<br>thực hiện                                                                                                                                                           | Phí, lệ<br>phí  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Ghi chú                               |
|----|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
|    |                                                                                 |                                                              |                                                     |                                                                                                                                                                                  |                 | <p>và bảo vệ thực vật.</p> <p>- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</p>             |                                       |
| 05 | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện đối với giống cây trồng (1.012073) | 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã. | <p>Nộp hồ sơ, nhận kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Qua dịch vụ bưu chính công ích;</li> <li>- Qua dịch vụ công trực tuyến</li> </ul> | Không quy định. | <p>- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>- Điều 29 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.</p> <p>- Điều 24 Nghị định số</p> | - Sửa đổi, bổ sung:<br>Căn cứ pháp lý |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC)                                                                     | Thời hạn giải<br>quyết                                                                                               | Địa điểm<br>thực hiện                               | Cách thức<br>thực hiện                                                        | Phí, lệ<br>phí  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Ghi chú                               |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
|    |                                                                                           |                                                                                                                      |                                                     |                                                                               |                 | <p>33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</p> <p>- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</p> |                                       |
| 06 | Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bất buộc (1.012070) | - 12 ngày đối với trường hợp chuyển giao bất buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ nhằm mục đích công cộng, | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã. | Nộp hồ sơ, nhận kết quả:<br>- Trực tiếp;<br>- Qua dịch vụ bưu chính công ích; | Không quy định. | <p>- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>- Điều 23 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ</p>                                                                                                                                                                                                                                                            | - Sửa đổi, bổ sung:<br>Căn cứ pháp lý |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC) | Thời hạn giải<br>quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Địa điểm<br>thực hiện | Cách thức<br>thực hiện        | Phí, lệ<br>phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Ghi chú |
|----|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|    |                       | <p>phi thương mại, phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh, an ninh lương thực và dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, ô nhiễm môi trường trên diện rộng.</p> <p>- 30 ngày đối với trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ cho người có nhu cầu và năng lực sử dụng giống cây trồng không đạt được</p> |                       | - Qua dịch vụ công trực tuyến |                | <p>quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.</p> <p>- Điều 20 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</p> <p>- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</p> |         |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC) | Thời hạn giải<br>quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Địa điểm<br>thực hiện | Cách thức<br>thực hiện | Phí, lệ<br>phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|----------------|----------------|---------|
|    |                       | thoả thuận với người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng về việc ký kết hợp đồng sử dụng giống cây trồng mặc dù trong 12 tháng (trừ trường hợp bất khả kháng) đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thoả đáng và người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng bị coi là thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp |                       |                        |                |                |         |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC)                                                                     | Thời hạn giải<br>quyết                                                | Địa điểm<br>thực hiện                                           | Cách thức<br>thực hiện                                                                                                           | Phí, lệ<br>phí     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Ghi chú                                     |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
|    |                                                                                           | luật về cạnh<br>tranh.                                                |                                                                 |                                                                                                                                  |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                             |
| 07 | Ghi nhận tổ<br>chức dịch vụ<br>đại diện quyền<br>đối với giống<br>cây trồng<br>(1.012063) | 18 ngày làm việc<br>kể từ ngày nhận<br>được hồ sơ đầy<br>đủ và hợp lệ | Trung tâm<br>Phục vụ<br>hành chính<br>công cấp<br>tỉnh, cấp xã. | Nộp hồ sơ,<br>nhận kết<br>quả:<br>- Trực tiếp;<br>- Qua dịch<br>vụ bưu chính<br>công ích;<br>- Qua dịch<br>vụ công trực<br>tuyến | Không<br>quy định. | <p>- Khoản 2 Điều 165 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 66 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022).</p> <p>- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>- Điều 31 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.</p> <p>- Điều 26 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số</p> | - Sửa đổi,<br>bổ sung:<br>Căn cứ<br>pháp lý |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC)                                                          | Thời hạn giải<br>quyết                                       | Địa điểm<br>thực hiện                               | Cách thức<br>thực hiện                                                                                         | Phí, lệ<br>phí  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Ghi chú                             |
|----|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
|    |                                                                                |                                                              |                                                     |                                                                                                                |                 | <p><i>điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</i></p> <p><i>- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</i></p> |                                     |
| 08 | Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (1.012064) | 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã. | Nộp hồ sơ, nhận kết quả:<br>- Trực tiếp;<br>- Qua dịch vụ bưu chính công ích;<br>- Qua dịch vụ công trực tuyến | Không quy định. | <p>- Khoản 2 Điều 165 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 66 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022).</p> <p>- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung</p>                                                                                                                                    | - Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý. |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC) | Thời hạn giải<br>quyết | Địa điểm<br>thực hiện | Cách thức<br>thực hiện | Phí, lệ<br>phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Ghi chú |
|----|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|    |                       |                        |                       |                        |                | <p>một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 32 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.</li> <li>- Điều 27 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</li> <li>- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư</li> </ul> |         |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC)                                                                    | Thời hạn giải<br>quyết                                       | Địa điểm<br>thực hiện                               | Cách thức<br>thực hiện                                                                                         | Phí, lệ<br>phí  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Ghi chú                             |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
|    |                                                                                          |                                                              |                                                     |                                                                                                                |                 | trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                     |
| 09 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (1.012062) | 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã. | Nộp hồ sơ, nhận kết quả:<br>- Trực tiếp;<br>- Qua dịch vụ bưu chính công ích;<br>- Qua dịch vụ công trực tuyến | Không quy định. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.</li> <li>- Khoản 3 Điều 27 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.</li> <li>- Điều 22 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</li> <li>- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và</li> </ul> | - Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý. |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC)                                                                                 | Thời hạn giải<br>quyết                                                | Địa điểm<br>thực hiện                                           | Cách thức<br>thực hiện                                                                                                           | Phí, lệ<br>phí     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Ghi chú                                      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
|    |                                                                                                       |                                                                       |                                                                 |                                                                                                                                  |                    | <i>Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                              |
| 10 | Đăng ký dự<br>kiểm tra<br>nghịệp vụ<br>giám định<br>quyền đối với<br>giống cây<br>trồng<br>(1.011998) | 10 ngày làm việc<br>kể từ ngày nhận<br>được hồ sơ đầy<br>đủ và hợp lệ | Trung tâm<br>Phục vụ<br>hành chính<br>công cấp<br>tỉnh, cấp xã. | Nộp hồ sơ,<br>nhận kết<br>quả:<br>- Trực tiếp;<br>- Qua dịch<br>vụ bưu chính<br>công ích;<br>- Qua dịch<br>vụ công trực<br>tuyến | Không<br>quy định. | - Luật số 131/2025/QH15<br>ngày 10 tháng 12 năm 2025<br>của Quốc hội sửa đổi, bổ sung<br>một số điều của Luật Sở hữu<br>trí tuệ.<br>- Điểm a khoản 3 Điều 111<br>Nghị định số 65/2023/NĐ-CP<br>ngày 23/8/2023 của Chính<br>phủ quy định chi tiết một số<br>điều và biện pháp thi hành<br>Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu<br>công nghiệp, bảo vệ quyền sở<br>hữu công nghiệp, quyền đối<br>với giống cây trồng và quản lý<br>nhà nước về sở hữu trí tuệ.<br>- Điều 18 Nghị định số<br>33/2026/NĐ-CP ngày 21<br>tháng 01 năm 2026 của Chính | - Sửa đổi,<br>bổ sung:<br>Căn cứ<br>pháp lý. |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC)                                                                                           | Thời hạn giải<br>quyết                                       | Địa điểm<br>thực hiện                               | Cách thức<br>thực hiện                                                                                   | Phí, lệ<br>phí  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Ghi chú                             |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
|    |                                                                                                                 |                                                              |                                                     |                                                                                                          |                 | <p>phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</p> <p>- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật</p> |                                     |
| 11 | Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã. | Nộp hồ sơ, nhận kết quả:<br>- Trực tiếp;<br>- Qua dịch vụ bưu chính công ích;<br>- Qua dịch vụ công trực | Không quy định. | <p>- Điều 29 Luật Trồng trọt năm 2018.</p> <p>- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.</p>                                                                                                                                                                                                   | - Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý. |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC)                                                                                                                                                                                                                                                      | Thời hạn giải<br>quyết                                                | Địa điểm<br>thực hiện                                           | Cách thức<br>thực hiện                                                       | Phí, lệ<br>phí     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ghi chú                                      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
|    | ngiên cứu,<br>khảo nghiệm,<br>quảng cáo,<br>triển lãm, trao<br>đổi quốc tế<br>(bao gồm cả<br>giống cây<br>trồng biến đổi<br>gen được nhập<br>khẩu với mục<br>đích khảo<br>nghiệm để<br>đăng ký cấp<br>Quyết định<br>công nhận lưu<br>hành giống<br>cây trồng<br>(1.007999) |                                                                       |                                                                 | tuyến                                                                        |                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 16 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</li> <li>- Điều 11 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</li> </ul> |                                              |
| 12 | Cấp phép xuất<br>khẩu giống<br>cây trồng và<br>hạt lai của<br>giống cây<br>trồng chưa<br>được cấp                                                                                                                                                                          | 10 ngày làm việc<br>kể từ ngày nhận<br>được hồ sơ đầy<br>đủ và hợp lệ | Trung tâm<br>Phục vụ<br>hành chính<br>công cấp<br>tỉnh, cấp xã. | Nộp hồ sơ,<br>nhận kết<br>quả:<br>- Trực tiếp;<br>- Qua dịch<br>vụ bưu chính | Không<br>quy định. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 28 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018.</li> <li>- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | - Sửa đổi,<br>bổ sung:<br>Căn cứ<br>pháp lý. |

[illegible]

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC)                                                                         | Thời hạn giải<br>quyết                                                | Địa điểm<br>thực hiện                                           | Cách thức<br>thực hiện                                                                                                           | Phí, lệ<br>phí      | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Ghi chú                                 |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 01 | Cấp Giấy<br>chứng nhận<br>đủ điều kiện<br>buôn bán<br>thuốc bảo vệ<br>thực vật.<br>(1.004363) | 15 ngày làm việc<br>kể từ ngày nhận<br>được hồ sơ đầy đủ<br>và hợp lệ | Trung tâm<br>Phục vụ<br>hành chính<br>công cấp<br>tỉnh, cấp xã. | Nộp hồ sơ,<br>nhận kết<br>quả:<br>- Trực tiếp;<br>- Qua dịch<br>vụ bưu chính<br>công ích;<br>- Qua dịch<br>vụ công trực<br>tuyến | 800.000<br>đồng/lần | - Điều 63, Điều 66 Luật Bảo<br>vệ và kiểm dịch thực vật năm<br>2013.<br>- Điều 2 Luật số<br>146/2025/QH15 ngày 11<br>tháng 12 năm 2025 của Quốc<br>hội sửa đổi, bổ sung một số<br>điều của 15 Luật trong lĩnh<br>vực nông nghiệp và môi<br>trường.<br>- Điều 4 Nghị định số<br>66/2016/NĐ-CP ngày 01<br>tháng 7 năm 2016 của Chính<br>phủ quy định điều kiện đầu tư<br>kinh doanh về bảo vệ và kiểm<br>dịch thực vật; giống cây<br>trồng; nuôi động vật rừng<br>thông thường; chăn nuôi; thủy<br>sản; thực phẩm.<br>- Khoản 2 Điều 1 Nghị định<br>số 123/2018/NĐ-CP ngày 17<br>ngày 9 năm 2018 sửa đổi, bổ<br>sung một số Nghị định quy<br>định về điều kiện đầu tư, kinh | Sửa đổi, bổ<br>sung: Căn<br>cứ pháp lý. |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC) | Thời hạn giải<br>quyết | Địa điểm<br>thực hiện | Cách thức<br>thực hiện | Phí, lệ<br>phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Ghi chú |
|----|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|    |                       |                        |                       |                        |                | <p>doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.</p> <p>- Điều 3 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</p> <p>- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.</p> <p>- Điều 20 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư</p> |         |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC)                                                          | Thời hạn giải<br>quyết                                       | Địa điểm<br>thực hiện                               | Cách thức<br>thực hiện                                                                                                   | Phí, lệ<br>phí   | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Ghi chú                             |
|----|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
|    |                                                                                |                                                              |                                                     |                                                                                                                          |                  | <i>trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                     |
| 02 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (1.004346) | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã. | Nộp hồ sơ, nhận kết quả:<br>- Trực tiếp;<br>- Qua dịch vụ bưu chính công ích;<br>- Qua dịch vụ công trực tuyến một phần. | 800.000 đồng/lần | - Điều 63, Điều 66 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013.<br>- Điều 2 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.<br>- Điều 4 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.<br>- Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 ngày 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy | - Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý. |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC) | Thời hạn giải<br>quyết | Địa điểm<br>thực hiện | Cách thức<br>thực hiện | Phí, lệ<br>phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Ghi chú |
|----|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|    |                       |                        |                       |                        |                | <p>định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.</p> <p>- Điều 3 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</p> <p>- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.</p> <p>- Điều 20 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung</p> |         |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC)                                                                    | Thời hạn giải<br>quyết                                       | Địa điểm<br>thực hiện                               | Cách thức<br>thực hiện                                                                                          | Phí, lệ<br>phí     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Ghi chú                             |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
|    |                                                                                          |                                                              |                                                     |                                                                                                                 |                    | <i>một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                     |
| 03 | Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật<br>(2.001236) | 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã. | Nộp hồ sơ, nhận kết quả:<br>- Trực tiếp;<br>- Qua dịch vụ bưu chính công ích;<br>- Qua dịch vụ công trực tuyến. | 2.000.000 đồng/lần | - Điều 59 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013<br>- Điều 2 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.<br>- Điều 6 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.<br>- Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 ngày 09 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số | - Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý. |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC) | Thời hạn giải<br>quyết | Địa điểm<br>thực hiện | Cách thức<br>thực hiện | Phí, lệ<br>phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ghi chú |
|----|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|    |                       |                        |                       |                        |                | <p>Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.</p> <p>- Điều 5 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</p> <p>- Điều 20, Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật</p> |         |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC)                                                    | Thời hạn giải<br>quyết                                                | Địa điểm<br>thực hiện                                           | Cách thức<br>thực hiện                                                                                                            | Phí, lệ<br>phí        | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Ghi chú                                |
|----|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
|    |                                                                          |                                                                       |                                                                 |                                                                                                                                   |                       | <i>Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                        |
| 04 | Cấp Giấy<br>phép nhập<br>khẩu thuốc<br>bảo vệ thực<br>vật.<br>(1.003971) | 05 ngày làm việc<br>kể từ ngày nhận<br>được hồ sơ đầy đủ<br>và hợp lệ | Trung tâm<br>Phục vụ<br>hành chính<br>công cấp<br>tỉnh, cấp xã. | Nộp hồ sơ,<br>nhận kết<br>quả:<br>- Trực tiếp;<br>- Qua dịch<br>vụ bưu chính<br>công ích;<br>- Qua dịch<br>vụ công trực<br>tuyến. | 1.000.000<br>đồng/lần | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 67 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013.</li> <li>- Điều 2 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.</li> <li>- Điều 31 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017.</li> <li>- Điều 7, Điều 9 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.</li> <li>- Nghị định thư Montreal (Nghị định thư về các chất làm suy giảm tầng ôzôn).</li> <li>- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ</li> </ul> | - Sửa đổi, bổ sung:<br>Căn cứ pháp lý. |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC)                                            | Thời hạn giải<br>quyết                                       | Địa điểm<br>thực hiện                               | Cách thức<br>thực hiện                                                                                   | Phí, lệ<br>phí  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ghi chú                             |
|----|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
|    |                                                                  |                                                              |                                                     |                                                                                                          |                 | Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.<br>- Điều 3 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật. |                                     |
| 05 | Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón (1.007926) | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã. | Nộp hồ sơ, nhận kết quả:<br>- Trực tiếp;<br>- Qua dịch vụ bưu chính công ích;<br>- Qua dịch vụ công trực | Không quy định. | - Điều 40 Luật Trồng trọt năm 2018;<br>- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.                                                                                                                                                                                                                     | - Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý. |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC)  | Thời hạn giải<br>quyết              | Địa điểm<br>thực hiện | Cách thức<br>thực hiện | Phí, lệ<br>phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ghi chú                  |
|----|------------------------|-------------------------------------|-----------------------|------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
|    |                        |                                     |                       | tuyên.                 |                | <p>- Điều 9, Điều 10 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.</p> <p>- Điều 7 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</p> <p>- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</p> |                          |
| 06 | Cấp Giấy<br>chứng nhận | 20 ngày làm việc<br>kể từ ngày nhận | Trung tâm<br>Phục vụ  | Nộp hồ sơ,<br>nhận kết |                | - Điều 41 Luật Trồng trọt năm 2018.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Sửa đổi, bổ<br>sung: Căn |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC)                              | Thời hạn giải<br>quyết         | Địa điểm<br>thực hiện                   | Cách thức<br>thực hiện                                                                                  | Phí, lệ<br>phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ghi chú     |
|----|----------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|    | đủ điều kiện<br>sản xuất<br>phân bón<br>(1.007927) | được hồ sơ đầy đủ<br>và hợp lệ | hành chính<br>công cấp<br>tỉnh, cấp xã. | quả:<br>- Trực tiếp;<br>- Qua dịch<br>vụ bưu chính<br>công ích;<br>- Qua dịch<br>vụ công trực<br>tuyến. |                | <p>- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.</p> <p>- Điều 12 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.</p> <p>- Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài Chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.</p> | cứ pháp lý. |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC)                                             | Thời hạn giải<br>quyết                                       | Địa điểm<br>thực hiện                               | Cách thức<br>thực hiện                                                        | Phí, lệ<br>phí                                       | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Ghi chú                           |
|----|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
|    |                                                                   |                                                              |                                                     |                                                                               |                                                      | <p>- Điều 9, Điều 11 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</p> <p>- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</p> |                                   |
| 07 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (1.007928) | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã. | Nộp hồ sơ, nhận kết quả:<br>- Trực tiếp;<br>- Qua dịch vụ bưu chính công ích; | - Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện | <p>- Điều 41 Luật Trồng trọt năm 2018.</p> <p>- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý. |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC) | Thời hạn giải<br>quyết | Địa điểm<br>thực hiện | Cách thức<br>thực hiện                    | Phí, lệ<br>phí                                                                                                                                                                                      | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Ghi chú |
|----|-----------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|    |                       |                        |                       | - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình. | <p>sản xuất phân bón (trừ cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón): 2.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.</p> <p>- Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón, đối với cơ sở chỉ</p> | <p>vực nông nghiệp và môi trường.</p> <p>- Điều 12 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.</p> <p>- Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài Chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.</p> <p>- Điều 10, Điều 11 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng</p> |         |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC)                                   | Thời hạn giải<br>quyết                                  | Địa điểm<br>thực hiện                                           | Cách thức<br>thực hiện                                                                                                        | Phí, lệ<br>phí                                                                     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Ghi chú                                 |
|----|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
|    |                                                         |                                                         |                                                                 |                                                                                                                               | hoạt<br>động<br>đóng gói<br>phân<br>bón:<br>1.200.00<br>0<br>đồng/01<br>cơ sở/lần. | trọt và bảo vệ thực vật.<br>- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật |                                         |
| 08 | Cấp Giấy<br>phép nhập<br>khẩu phân<br>bón<br>(1.007929) | 07 ngày làm việc<br>kể từ ngày nhận đủ<br>hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm<br>Phục vụ<br>hành chính<br>công cấp<br>tỉnh, cấp xã. | Nộp hồ sơ,<br>nhận kết<br>quả:<br>- Trực tiếp;<br>- Qua dịch<br>vụ bưu chính<br>công ích;<br>- Dịch vụ<br>công trực<br>tuyến. | Không<br>quy định.                                                                 | - Điều 44 Luật Trồng trọt năm 2018;<br>- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.<br>- Điều 31 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017;<br>- Điều 7, Điều 9 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày                      | Sửa đổi, bổ<br>sung: Căn<br>cứ pháp lý. |

| TT | Tên TTHC<br>(Mã TTHC) | Thời hạn giải<br>quyết | Địa điểm<br>thực hiện | Cách thức<br>thực hiện | Phí, lệ<br>phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|----|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|    |                       |                        |                       |                        |                | <p>15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;</p> <p>- Điều 14 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</p> <p>- Điều 17 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.</p> |         |

**PHẦN III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH BỊ BÃI BỎ (04TTHC)**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (04 TTHC)**

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                     | <b>Quyết định công bố danh mục TTHC</b>                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ</b>                                                                                                                                                                                                            |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Lĩnh vực Trồng trọt (02 TTHC)</b>                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 1         | Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (1.012075) | Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực Trồng trọt và lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng | Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật                                                                                                                  |
| 2         | Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước. (1.012074)                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực Bảo vệ thực vật (02 TTHC)</b>                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 1         | Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón (1.007933)                                                                                                                   | Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực Trồng trọt và lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng | - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;<br>- Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật; |
| 2         | Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật. (1.004493)                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật                                                                                                                                                                                        |

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b> | <b>Quyết định công bố danh mục TTHC</b> | <b>Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ</b>                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----------|-------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                               |                                         | trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;<br>- Thông tư số 07/2026/TTBNNMT ngày 23/01/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật. |

**- Tổng số danh mục TTHC công bố:**

**Trong đó: Cấp tỉnh**

**27 TTHC**

+ Số TTHC mới: 03

+ Số TTHC sửa đổi, bổ sung:  
20

+ Số TTHC bị bãi bỏ: 04

**- Qua dịch vụ công trực tuyến:**

**23 TTHC**

**- TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính:**

**23 TTHC**